

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2018/DS-ST

Ngày 20-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thượng;

Ông Đinh Hữu Cải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2018/TLST-DS, ngày 02 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Tổ 7, Khu phố 1, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Tổ 4, khu phố 4, thị trấn T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 12/6/2018) có mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị X, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp T, xã TĐ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cùng người đại diện hợp pháp là bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Chị Bùi Thị H có cho chị Trần Thị X vay tiền gồm các lần cụ thể: Ngày 01-10-2016 chị X vay số tiền 52.000.000 đồng; ngày 24-11-2016 chị X tiếp tục vay số tiền 52.000.000 đồng và ngày 04-8-2017 vay số tiền 70.000.000 đồng; tổng cộng

ba lần chị X vay 174.000.000 đồng; khi vay 02 bên có lập hợp đồng và thỏa thuận lãi suất 02%/tháng nhưng không ghi vào hợp đồng, thời gian trả nợ đến cuối năm 2017. Đến hạn trả nợ chị X đã trả cho chị H được số tiền 104.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng, chị X trả dần được số tiền 7.020.000 đồng và không tiếp tục trả số tiền còn lại 62.980.000 đồng cho chị H, mặc dù chị H đã đòi nhiều lần.

Ngoài ra, sau khi hòa giải và công bố chứng cứ chị H có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chị X phải có nghĩa vụ trả thêm số tiền 180.000.000 đồng, đây là số tiền do chị X bảo lãnh nợ cho chị D (em chị X). Như vậy nay chị H yêu cầu một mình chị X trả số tiền vay 242.980.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị X có ý kiến việc yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Chị thừa nhận có vay tiền của chị Bùi Thị H nhiều lần cụ thể: Ngày 01 tháng 10 năm 2016 (dương lịch), chị vay số tiền 52.000.000 đồng; ngày 24 tháng 11 năm 2016 (dương lịch), chị vay thêm số tiền 52.000.000 đồng, khi vay hai bên có lập hợp đồng và thỏa thuận lãi suất 8%/tháng (tức 80.000 đồng/tháng/1.000.000 đồng), nhưng không ghi vào hợp đồng. Mục đích vay là để trả tiền nợ vay tại Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T và dùng vào công việc làm ăn.

Sau đó, vào thời gian nào chị không nhớ, chị vay thêm chị H số tiền 22.000.000 đồng và em chị là chị Trần Thị D cũng có nợ chị H 174.000.000 đồng nên chị và chị D nợ chị H tổng cộng số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi chị nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T thì chị cùng chị H đến Phòng công chứng số 3 lập hợp đồng vay tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H để vay số tiền 400.000.000 đồng, sau khi lập xong hợp đồng, khoảng ngày 05-12-2016 chị H giao cho chị 100.000.000 đồng tại quán cà phê “Thanh Trúc”; đến ngày 09-01-2017 (dương lịch) chị tiếp tục vay thêm 50.000.000 đồng, như vậy chị và chị D nợ chị H tổng cộng 450.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất một ngày 375.000 đồng và chị đã trả cho chị H đủ (không có giấy tờ chứng minh).

Do chị không có đủ khả năng trả lãi suất thêm nữa nên giữa chị và chị H thỏa thuận, chị H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chị vay tiền Ngân hàng trả nợ cho chị H; ngày 04-8-2017 chị vay Ngân hàng N được số tiền 250.000.000 đồng, sau đó chị và chị H tính lại tiền nợ như sau: 450.000.000 đồng – 180.000.000 đồng (tiền chị D nợ chị H), còn lại 270.000.000 đồng đây là số tiền chị nợ chị H và chị trả cho chị H 200.000.000 đồng, còn nợ 70.000.000 đồng nên viết lại giấy nợ ghi ngày 04-8-2017, đồng thời chị với chị H thỏa thuận phương thức trả số tiền này là mỗi ngày 30.000 đồng và chị đã trả được 234 ngày (từ ngày 01-9-2017 đến ngày 24-4-2018) $\times 30.000$ đồng = 7.020.000 đồng, như vậy hiện nay chị còn nợ chị H số tiền 62.980.000 đồng và đồng ý trả số tiền này, nhưng không đồng ý trả tiền lãi suất.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của chị H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu chị X có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền nợ gốc 62.980.000 đồng trong số tiền 174.000.000 đồng (theo 03 giấy nợ ghi ngày 01-10-2016; 24-11-2016 và 04-8-2017) và yêu cầu tính tiền lãi suất của số tiền 62.980.000 đồng, với mức lãi suất 0,83%/tháng, từ ngày 04-8-2017 đến ngày 20-11-2018 là 15 tháng,

thành tiền 7.841.000 đồng; đối với số tiền 180.000.000 đồng chị X bảo lãnh cho chị D thì không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Theo đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 19-11-2018, chị X trình bày đã trả lãi suất cho chị H nhiều nên nay không đồng ý trả số tiền nợ 62.980.000 đồng cho chị H.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì thấy rằng: Tại phiên tòa, bà H1 là người đại diện hợp pháp của chị H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 111.020.000 đồng trong số tiền nợ 174.000.000 đồng, chị H chỉ yêu cầu chị X trả lại số tiền 62.980.000 đồng và tiền lãi suất theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ tháng 8-2017 đến ngày 20-11-2018. Tuy nhiên yêu cầu tính lãi suất với mức lãi suất 0,83% là vượt quá quy định nên cần chấp nhận tính lãi suất theo mức lãi suất 0,75%/tháng là phù hợp với pháp luật; đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung số tiền 180.000.000 đồng bà H1 không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên cần ghi nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H đối với chị Trần Thị X về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc chị Trần Thị X có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị H số tiền vay gốc 62.980.000 đồng và tiền lãi suất 7.085.000 đồng, tổng cộng 70.065.000 đồng.

+ Không chấp nhận một phần khởi kiện của chị Bùi Thị H yêu cầu chị Trần Thị X trả thêm số tiền lãi suất 756.000 đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị H, chị Trần Thị X phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị X là bị đơn trong vụ án vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị X.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét thấy, ngày 24-4-2018 chị Bùi Thị H khởi kiện cho rằng chị Trần Thị X có nợ chị số tiền vay gốc 174.000.000 đồng, đến hạn

trả nợ nhưng chị X chỉ trả được số tiền vay gốc 111.020.000 đồng và không trả số tiền còn lại 62.980.000 đồng và tiền lãi suất nên chị yêu cầu chị X trả lại số tiền nợ trên và tiền lãi suất tính từ ngày 04-8-2017 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20-11-2018) là 15 tháng, theo mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền 7.841.000 đồng. Chị Trần Thị X thừa nhận có vay chị H nhiều lần và hiện nay còn nợ chị H số tiền vay gốc 62.980.000 đồng, nay chị không đồng ý trả số tiền còn lại cho chị H, vì đã trả tiền lãi suất nhiều cho chị H.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị H, Hội đồng xét xử nhận định: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị H cùng người đại diện hợp pháp cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm các giấy mượn tiền ghi ngày 01-10-2016 và ngày 04-8-2017 (BL 38, 40), giấy mượn nợ đáo hạn Ngân hàng ghi ngày 24-11-2016 (BL 39); chị X thừa nhận có vay tiền và ký các giấy nợ với chị H trên là đúng nên căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chị Trần Thị X có giao kết hợp đồng vay tài sản với chị Bùi Thị H và còn nợ chị H số tiền 62.980.000 đồng theo 03 giấy nhận nợ trên là đúng sự thật nhưng chị X không đồng ý trả số tiền này cho chị H là chưa phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó chị H yêu cầu chị X phải có nghĩa vụ trả lại cho chị số tiền nợ 62.980.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu tính tiền lãi suất của chị H nhưng chị X không đồng ý. Xét thấy, khi các bên giao dịch với nhau có thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ nhưng đến hạn chị X không trả được nợ cho chị H nên việc chị H yêu cầu chị X phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả nợ từ ngày 04-8-2017 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm (20-11-2018) là 15 tháng, với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền 7.841.000 đồng là phù hợp theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của chị H tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay gốc 111.020.000 đồng, trong số tiền 174.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của chị Bùi Thị H. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị H yêu cầu chị X phải có nghĩa vụ trả số tiền bảo lãnh cho chị D 180.000.000 đồng, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của chị H không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H đối với chị Trần Thị X về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc chị Trần Thị X có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị H số tiền vay gốc 62.980.000 đồng và tiền lãi suất 7.841.000 đồng, tổng cộng 70.821.000 (bảy mươi triệu, tám trăm hai mươi một nghìn) đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị H được Tòa án chấp nhận một phần nên chị Trần Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 385, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H đối với chị Trần Thị X về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc chị Trần Thị X có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị H số tiền vay gốc 62.980.000 đồng và tiền lãi suất 7.841.000 đồng, tổng cộng 70.821.000 (bảy mươi triệu, tám trăm hai mươi một nghìn) đồng.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của chị Bùi Thị H yêu cầu chị X phải trả số tiền 111.020.000 (một trăm mười một triệu, không trăm hai mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị X phải chịu 3.541.000 (ba triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn) đồng.

Chị Bùi Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.741.500 (bốn triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn) đồng tại biên lai thu số 0025459 ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị X có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC.THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc